

Bản án số: 33/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 13-8-2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn "

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thiện Phán

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Văn Bạ và bà Vũ Thị Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 244/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 2000

Địa chỉ: **khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Phương N**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

(chị **H** có mặt. Anh **N** vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Vũ Thị H** trình bày:

Chị và anh **N** được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Ngày 07/10/2022 anh chị có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.** Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại **KDC N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.** Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh N chuyển nơi làm việc không nói với chị nên vợ chồng xảy ra xô sát. Anh N chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Khoảng 10 ngày sau, chị xin phép đưa con về nhà ngoại chơi ở khu dân cư N, phường T và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh N có nhắn tin cho chị là không bỏ vợ, bỏ con nhưng hành động của anh N không đi đôi với lời nói nên chị không cảm nhận được sự níu kéo của anh N. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 23/3/2023. Hiện cháu Khánh A đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh A và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, nợ chung : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Phương N trình bày:*

Anh và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 07/10/2022 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau đó, anh chị về chung sống với bố mẹ đẻ anh ở KDC N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân được khoảng 01 năm nay. Nay chị H muốn ly hôn anh. Anh không đồng ý vì anh cho rằng lí do chị H đưa ra để ly hôn quá thiếu căn và thiếu suy nghĩ. Trong thời gian sống ly thân, anh nghĩ nguyên nhân chính chị H muốn ly hôn với anh là do tác động xấu từ bên ngoài hoặc việc ly hôn là tiền đề để chị H đến với một ai đó. Anh mong chị H suy nghĩ lại vì con cái. Anh đã nhiều lần khuyên chị H để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng chị H không đồng ý. Trong thời gian ly thân, anh và chị H vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nhưng anh cho rằng mâu thuẫn đó chưa đủ để ly hôn. Do vậy, chị H xin ly hôn anh. Anh không đồng ý và đề nghị Tòa án hoà giải cho anh chị về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 23/3/2023. Hiện cháu Khánh A đang ở với chị H. Trong trường hợp không thể hòa giải được dẫn đến ly hôn, anh có mong muốn con sẽ ở với chị H, tiền chu cấp cho con xử lý theo pháp luật. Anh không đồng ý mức chu cấp theo yêu cầu của chị H vì hiện tại anh không có thu nhập vì đang học tiếng đi nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung : Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Vũ Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N. Về con chung: chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh A và tự nguyện không yêu

cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung và nợ chung: chị **H** không yêu cầu Toà án giải quyết. Bị đơn anh **Nguyễn Phương N** vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H** cho chị được ly hôn với **N**.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Khánh A**, sinh ngày 23/3/2023 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **H** tự nguyện không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

- Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

- Án phí: chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng : Chị **Vũ Thị H** có đơn yêu cầu xin ly hôn đối với anh **Nguyễn Phương N** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: **khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **N** đã được triệu tập hợp lệ và đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt anh **N**.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Phương N** được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T** nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị **H** và anh **N** cùng xác định đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Anh **N** xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thì anh lại xin vắng mặt vì cho rằng chị **H** đã cương quyết ly hôn thì anh không còn biện pháp nào để níu kéo. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị **H** và anh **N** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H** xử cho chị được ly hôn với anh **N** là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị **H** và anh **N** có 01 con chung là **Nguyễn Khánh A**, sinh ngày 23/3/2023. Hiện nay, cháu **A** đang ở với chị **H**. Chị **H** và anh **N** đều thống nhất giao cháu **A** cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **H** yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con chung với chị 2.000.000 đồng/tháng. Anh **N** không đồng ý và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, chị **H** thay đổi quan điểm là tự nguyện không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ không: Chị **H** và anh **N** không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của chị **H** được chấp nhận nên chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị **Vũ Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Phương N**.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khánh A, sinh ngày 23/3/2023 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004063 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thiện Phán**

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Đương sự;
- UBND phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thiện Phán**



